TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:432/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07- 12-2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Huỳnh Thị Châu**

2/ bà **Huỳnh Ngọc Hoa**

- *Thư ký phiên tòa*: bà Trần Thị Lệ Thanh – Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/ 2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2018/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lữ Thị Huyền Tr** – sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: tổ 22 ấp T Ngh, xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Võ Minh Ph** – sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: tổ 22, ấp T Ngh, xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

(chị Tr có mặt; anh Ph vắng mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lữ Thị Huyền Tr trình bày:

Chị Tr và anh Ph tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn, được UBND xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101/26 quyển số 1 năm 2006 ngày 26/12/2006, việc kết hôn giữa chị Tr và anh Ph là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ph thường xuyên ăn nhậu, quậy phá không lo làm ăn.

Vào đầu năm 2017, anh Ph đi nhậu về vợ chồng cự cãi anh Ph hành hung chị, do chị quá hoảng loạn nên chị Tr đã về nhà mẹ ruột sống đến nay, sự việc có

bà Huỳnh Thị M mẹ ruột chị biết, từ năm 2017 đến nay chị và anh Ph không sống chung. Từ khi vợ chồng không sống chung anh Ph thỉnh thoảng đến chở con đi ăn còn vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau.

Đến nay chị Tr đã hết tình cảm với anh Ph, vợ chồng không thương yêu và không tôn trọng nhau do đó chị Tr xin ly hôn với anh Ph chị không chấp nhận về đoàn tụ với anh Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Thị Phương Ngh– sinh ngày 02/9/2015. Hiện con chung đang sống với chị Tr, chị đang làm công nhân may tư nhân, thu nhập được 5.000.000 đồng mỗi tháng. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngh, chị Tr không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Minh Ph trình bày:

Anh Ph đề nghị Tòa án cho vợ chồng về đoàn tụ để nuôi con khôn lớn. Anh Ph và chị Tr tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn, được UBND xã X Th, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn như chị Tr khai là đúng anh công nhận, việc kết hôn giữa anh Ph và chị Tr là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi vợ chồng sinh con chung thì anh Ph công nhận hai vợ chồng bắt đầu lục đục, anh có uống rượu về cãi vã với vợ, anh có cầm kéo chỉ vào mặt chị Tr và sau đó chị Tr bỏ về nhà mẹ vợ, từ tháng 11/2017 chị Tr về bên nhà vợ ở đến nay giờ chị Tr viết giấy ly thân với anh. Anh Ph thừa nhận anh có cầm dao hù chị Tr chứ thực chất anh không có ý định làm hại chị Tr.

Anh Ph làm nghề phụ hồ nên cuối tuần bạn bè có rủ nhậu anh công nhận, vào cuối năm 2017 anh đi làm về chị Tr không nấu ăn, vợ chồng lời qua tiếng lại do không kìm chế được anh có cầm dao hù chị Tr chứ anh không có ý định hại chị Tr. Nhiều lần anh đến nhà mẹ vợ khuyên chị Tr về sống chung nhưng chị Tr không chịu về mà cương quyết ly hôn.

Hiện nay anh không có thu nhập ổn định, thực tế thu nhập sao anh khai vậy chứ không có gì chứng minh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Tr khai là đúng, trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Tr thì anh Ph đồng ý giao cháu Ngh cho chị Tr nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật, không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập; về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX xử cho chị Tr và anh Ph được ly hôn. Về con chung, đề nghị HĐXX tạm giao cháu Võ Thị Phương Ngh– sinh ngày 02/9/2015 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn anh Võ Minh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr thì thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh Ph được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định, hôn nhân của chị Tr và anh Ph phù hợp với các Điều 9; 11; 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét lời khai của chị Tr và anh Ph thừa nhân: Từ khoảng tháng 12 năm 2017 đến nay, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau..

Từ khoảng tháng 12 năm 2017, chị Tr về nhà mẹ ruột sống từ đó đến nay. Còn anh Ph vẫn sống tại căn nhà của vợ chồng. Chị Tr và anh Ph không còn sự quan tâm, không yêu thương nhau, không ai thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng, mạnh ai người đó sống, vợ chồng đã sống ly thân.

Anh Ph không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr. Nhưng Tòa án đã nhiều lần mời anh Ph đến tham gia hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh Ph đều vắng mặt thể hiện anh Ph không có thiện chí về đoàn tụ gia đình.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Ph là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trang.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh Ph có 01 con chung là cháu Võ Thị Phương Ngh – sinh ngày 02/9/2015. Hiện nay cháu vẫn đang được chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do vậy, xét cần giao cháu Ngh cho chị Tr là phù hợp. Tạm thời chị Tr không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Tr, anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Buộc chị Tr phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, chị Tr đã nộp tiền tạm ứng án phí được chuyển sang nộp án phí.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; 11; 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Lữ Thị Huyền Tr và anh Võ Minh Ph được ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Võ Thị Phương Ngh – sinh ngày 02/09/2015 cho chị Lữ Thị Huyền Tr được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời chị Lữ Thị Huyền Tr chưa yêu cầu anh Võ Minh Ph góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở…

Về tài sản: Chị Lữ Thị Huyền Tr và anh Võ Minh Ph không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Tr phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 008562 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất sang nộp án phí, chị Tr đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn (chị Tr) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn (anh Ph) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- UBND xã X Th
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đặng Quang Phúc